TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Duyên

2. Ông Long Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Công H; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ F, phường Q, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đàm Thị L; sinh năm: 1994.

Địa chỉ: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Công H trình bày:

Ông và bà Đàm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều mặt khiến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi cọ, xô xát bà L đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ tại Cao Bằng. Tháng 9/2022 khi bà L đang mang thai con thứ hai, bà L tiếp tục đưa con về nhà mẹ đẻ, ông đã nhiều lần liên lạc

nhưng bà L không nghe điện thoại và không muốn tiếp tục chung sống. Hiện nay bà L đã sinh con chung thứ hai, cả ba mẹ con đang sinh sống với gia đình bố mẹ của bà L tại xã H, tỉnh Cao Bằng. Ông xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Đàm Phúc K, sinh ngày 07/7/2019 (giới tính: nam) và Đàm Đăng K1, (giới tính: nam), do bà L sinh con không cho ông biết nên ông không biết ngày tháng năm sinh của cháu K1.

Sau khi ly hôn ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đàm Phúc K còn bà L sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Đăng K1 cho đến khi các con thành niên. Về điều kiện nuôi con: hiện nay ông đang sinh sống với bố mẹ tại nhà riêng, có đủ diện tích, phòng riêng và tiện ích để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con. Thu nhập ổn định hàng tháng nên đủ điều kiện nuôi con và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Đàm Thị L xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như ông H trình bày. Quá trình bà mang thai và sinh con tại bệnh viện, ông H và gia đình nhà chồng không quan tâm nên bà đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Do ông H hứa sẽ thay đổi bản thân nên tháng 3/2020 bà đồng ý quay lại chung sống nhưng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến tiền sinh hoạt, bất đồng quan điểm về nhiều mặt. Tháng 9/2022 khi bà mang thai con thứ hai được 29 tuần bà đã đưa cháu K quay lại nhà mẹ đẻ để sinh sống cho đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: bà xác nhận có 02 con chung là Trần Đàm Phúc K, sinh ngày 07/7/2019 (giới tính: nam) và Đàm Đăng K1, sinh ngày 24/11/2022 (giới tính: nam). Sau khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con thành niên vì hiện nay các con đã quen ở với bà và chung sống với nhau từ bé nên bà không muốn chia rẽ tình cảm anh em. Mặt khác, sau khi ly thân ông H chưa từng cấp dưỡng giúp bà nuôi con và cũng không lên thăm con. Về điều kiện nuôi con: hiện nay bà chưa có nhà riêng và vẫn cùng các con sinh sống tại nhà mẹ đẻ, thu nhập trung bình của bà khoảng 50.000.000 đồng/tháng từ việc làm online tại nhà nên đảm bảo có thời gian chăm sóc con, gần gũi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được nuôi cháu Trần Đàm Phúc K vì ông có thu nhập ổn định, nhà gần trường học nên có đủ điều kiện đảm bảo cho sự phát triển của con. Về tình cảm: khi cháu K vẫn còn chung sống với ông tình cảm cha con rất thân thiết nên có thể bù đắp được khoảng

trống trong thời gian không cùng sinh sống. Về lý do trong thời gian ly thân ông chỉ thăm con 01 lần vì điều kiện kinh tế và bản thân ông cảm thấy gia đình bà L không thoải mái trong việc ông thăm nom con. Nếu được nuôi con ông không ngăn cản bà L thăm nom con.

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 - Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: ông Trần Công H và bà Đàm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thái Nguyên nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp. Quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn và bà L nhất trí nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về con chung ông H và bà L có 02 con chung là Trần Đàm Phúc K, sinh ngày 07/7/2019 (giới tính: nam) và Đàm Đăng K1, sinh ngày 24/11/2022 (giới tính: nam) hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng bà L. Cả ông H và bà L đều có đủ khả năng và năng lực tài chính để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, cháu K đã sinh sống ổn định với mẹ tại Cao Bằng từ tháng 9/2022 đến nay, việc giao con cho ông H sẽ làm thay đổi nơi ở, trường học và môi trường sống bị xáo trộn. Do đó, cần thiết phải giao cả hai con cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Công H, giao cả 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Đàm Thị L trú tại xã H, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao

Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân

Ông Trần Công H và bà Đàm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thái Nguyên nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên hoà giải ngày 05/12/2025 ông Trần Công H và bà Đàm Thị L đều nhất trí ly hôn, xét thấy các đương sự tự nguyện và thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Về con chung

Quá trình chung sống ông H và bà L có 02 con chung là Trần Đàm Phúc K, sinh ngày 07/7/2019 (giới tính: nam) và Đàm Đăng K1, sinh ngày 24/11/2022 (giới tính: nam) hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng bà L.

Ông H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đàm Phúc K còn bà L sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Đăng K1 cho đến khi các con thành niên nhưng bà L không nhất trí và đề nghị được nuôi cả hai con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Cả ông H và bà L đều có đủ khả năng và năng lực tài chính để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, xét về sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ Hội đồng xét xử nhận thấy: sau khi bà L sinh cháu K, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L đưa cháu K về nhà mẹ đẻ sinh sống đến tháng 3/2020 vợ chồng hàn gắn và tiếp tục chung sống tại phường Q, tỉnh Thái Nguyên nhưng quá trình chung sống vẫn nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đến tháng 9/2022 bà L tiếp tục đưa cháu K về nhà mẹ đẻ. Như vậy thời gian chung sống và chăm sóc của ông H đối với cháu K chỉ khoảng hơn 2 năm, khi cháu K còn rất nhỏ. Trong thời gian ly thân với bà L, ông H chỉ lên thăm con 01 lần vào tết năm 2022 và từ đó đến nay là hơn 2 năm ông H chưa thăm nom con thêm lần nào nên sự quan tâm, gắn bó, thân thiết của ông H đối với cháu K không thể bằng bà L. Mặt khác, cháu K hiện nay đang sinh sống ổn định với mẹ tại Cao Bằng từ tháng 9/2022 đến nay, việc giao con cho ông H sẽ làm thay đổi nơi ở, trường học và làm môi trường sống của cháu K bị xáo trộn. Do đó, cần thiết phải giao cả hai con cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cả cháu K và cháu K1.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đàm Thị L không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Do các đương sự tự nguyện ly hôn trước khi mở phiên toà nhưng không thoả thuận được về con chung nên ông H và bà L phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí đối với yêu cầu xin ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Công H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Công H được ly hôn với bà Đàm Thị L.

1.2. Về con chung: giao cho bà Đàm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Đàm Phúc K, sinh ngày 07/7/2019 (giới tính: nam) và Đàm Đăng K1, sinh ngày 24/11/2022 (giới tính: nam) đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đàm Thị L không yêu cầu ông Trần Công H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí

Ông Trần Công H phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Cao Bằng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000206 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí và được hoàn lại số tiền 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Đàm Thị L phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1 - Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1-Cao Bằng;
- UBND phường Q, tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền